BỘ NỘI VỤ
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC VÀ THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG CHỨC THI MÔN NGOẠI NGỮ CA 02
KỲ THI NÂNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2020
Địa điểm: Phòng máy số 06, Tầng 3, Nhà D

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
(1)	*(2)*		*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Nguyễn Cảnh	Tú	16/5/1980		**1349**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
2	Đinh Tuấn	Tú	21/09/1975		**1350**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
3	Lê Đình	Tuân	20/7/1977		**1351**	Phó Trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
4	Vũ Ngọc	Tuấn	16/01/1979		**1352**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
5	Nguyễn Minh	Tuấn	01/01/1977		**1354**	Chánh Văn phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
6	Trương Anh	Tuấn	25/4/1972		**1355**	Phó Giám đốc	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
7	Lê Anh	Tuấn	12/10/1980		**1356**	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
8	Nguyễn Trọng	Tuệ	04/10/1981		**1357**	Phó Trưởng phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
9	Phan Trọng	Tuệ	12/8/1985		**1358**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
10	Nguyễn Đình	Tuệ	09/11/1984		**1359**	Trưởng ban	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
11	Trần Thanh	Tùng	02/01/1976		**1360**	Chi Cục trưởng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
12	Nguyễn Xuân	Tùng	06/02/1982		**1361**	Trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
13	Trần Công	Tuyên	01/02/1980		**1363**	Phó Vụ trưởng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
14	Lại Thị	Tuyền		01/11/1985	**1365**	Chuyên viên	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
15	Đoàn Thị	Tuyết		22/12/1973	**1366**	Phó Trưởng phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
16	Trần Thị Thanh	Vân		30/10/1973	**1367**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
17	Đoàn Thị Thanh	Vân		06/8/1987	**1368**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
18	Nguyễn Mạnh	Vầng	03/8/1973		**1369**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
19	Nguyễn Văn	Viên	8/1/1980		**1370**	Phó Giám đốc	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
20	Cao Đức	Việt	03/02/1972		**1371**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
21	Bùi Minh	Việt	03/11/1975		**1372**	Trưởng phòng	Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
22	Bùi Tân	Việt	11/6/1981		**1373**	Trưởng phòng	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
23	Nguyễn Đức	Vinh	12/9/1984		**1374**	Phó trưởng phòng	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
24	Ngô Đức	Vinh	19/8/1978		**1375**	Giám đốc	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
25	Tạ Quang	Vĩnh	28/12/1976		**1376**	Chi Cục trưởng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
26	Đặng Văn	Vĩnh	23/3/1977		**1377**	Phó trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
27	Lê Anh	Vũ	01/01/1975		**1378**	Giám đốc TT	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
28	Nguyễn Đình	Vương	09/11/1982		**1379**	Trưởng phòng	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
29	Nguyễn Thị	Xuyến		17/12/1982	**1381**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
30	Lò Thị Hải	Yến		4/4/1973	**1383**	Chuyên viên	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
31	Lê Văn	Cường		10/4/1967	**1384**	Phó Chủ tịch	UBND huyện An Dương, TP Hải Phòng		Tiếng Anh
32	Nguyễn Trường	Sơn	14/4/1967		**1385**	Phó Bí thư Huyện ủy	Huyện An Dương, TP Hải Phòng		Tiếng Anh